

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 10 - 11 - 2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp chia tài sản
khi ly hôn và đòi lại tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đáng
2. Ông Lê Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên tòa:
Ông Lý Phước Bền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn và đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/10/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị Bình Nh, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã Th, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2022, các lời khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị Bình Nh trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2018 chị Lê Thị Bình Nh và anh Nguyễn Văn H xác lập quan hệ hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không lâu thì phát sinh mâu thuẫn do không tin tưởng về thu chi tiền và bất đồng ý kiến những việc trong gia đình nên xảy ra bất hòa, cãi vã, chị Nh nhường nhịn để hàn gắn

nhưng giữa chị và anh H không hòa thuận được, đến khoảng tháng 9/2019 sống ly thân cho đến nay. Thời gian sống ly thân chị Nh luôn tạo điều để hàn gắn lại nhưng hai bên không tin tưởng lẫn nhau, không hòa thuận được, do đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị Nh yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giữa chị Nh và anh H không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Nh rút lại yêu cầu chia tài sản chung số tiền 250.000.000đ đối với anh H, chị Nh và anh H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị Nh và anh H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản riêng: Chị Nh yêu cầu anh H trả cho chị số tiền mua thuốc thủy sản 40.000.000đ mà anh H thừa nhận và đồng ý trả tại phiên hòa giải ngày 12/10/2022. Chị Nh rút lại một phần yêu cầu về đòi tài sản riêng gồm 01 máy D9, 04 máy mô tua, tiền trị giá căn nhà 110.000.000đ và tiền mượn 3.500.000đ, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị Nh không có yêu cầu tranh chấp khác.

Quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Văn H trình bày ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2018 anh và chị Lê Thị Bình Nh tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống anh H thừa nhận giữa anh và chị Nh có mâu thuẫn về cách ứng xử hay cãi vã, không tin tưởng nhau về thu chi tiền trong gia đình, mâu thuẫn vợ chồng không hòa thuận được nên đã ly thân, sau đó có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không kết quả, do đó anh H đồng ý ly hôn với chị Nh.

- Về con chung: Giữa anh H và chị Nh không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Anh H đồng ý việc chị Nh rút lại yêu cầu chia tài sản chung số tiền 250.000.000đ, anh H không đặt ra tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ riêng: Anh H thỏa thuận trả cho chị Nh số tiền 40.000.000đ theo yêu cầu của chị Nh, yêu cầu Tòa án ghi nhận. Anh H thống nhất việc chị Nh rút lại một phần yêu cầu về đòi tài sản riêng gồm 01 máy D9, 04 máy mô tua, tiền trị giá căn nhà 110.000.000đ và tiền mượn 3.500.000đ do các bên thỏa thuận xong nên không tranh chấp.

Ngoài ra, anh H không có yêu cầu, tranh chấp nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên

hợp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

- Về giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị tuyên bố không công nhận chị Lê Thị Bình Nh và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

+ Về con chung không có nên đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản chung, chị Nh tự nguyện rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị đình chỉ yêu cầu về chia tài sản chung số tiền 250.000.000đ của chị Nh.

+ Về nợ chung chị Nh và anh H không tranh chấp nên đề nghị không xét.

+ Về nợ riêng căn cứ Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 166 của Bộ luật dân sự, đề nghị ghi nhận anh H trả cho chị Nh số tiền 40.000.000đ do các bên tự thỏa thuận. Đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu của chị Nh về đòi tài sản riêng gồm 01 máy D9, 04 máy mô tua, tiền trị giá căn nhà 110.000.000đ và tiền mượn 3.500.000đ.

+ Về án phí hôn nhân sơ thẩm, căn cứ vào Điều 12, 14, 15, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên xét miễn án phí hôn nhân và án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nh.

Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn của chị Lê Thị Bình Nh khởi kiện tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn và đòi lại tài sản đối với anh Nguyễn Văn H; địa chỉ tại ấp R, xã Th, huyện C. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn và đòi lại tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- **Về hôn nhân:** Chị Lê Thị Bình Nh và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018 đến nay, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; pháp luật về hộ tịch nên hôn nhân giữa chị Nh và anh H không được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống giữa chị Nh và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường hay cãi vã, không còn tin tưởng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn lại và Tòa án đã mở phiên hòa giải động viên hàn gắn nhưng chị Nh, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn.

Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa chị Nh và anh H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và xét việc chị Nh và anh H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2018 mà không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9, 14 của Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng; căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì quan hệ hôn nhân của chị Nh, anh H không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận chị Nh và anh H là vợ chồng.

[3] **Về con chung:** Xét thấy giữa chị Nh và anh H không có con chung nên không xem xét.

[4] **Về tài sản chung của vợ chồng:** Theo đơn khởi kiện chị Nh yêu cầu chia đôi tài sản chung gồm số tiền 250.000.000 đồng là tiền thu hoạch tôm do ông H giữ. Tuy nhiên quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị Nh tự nguyện rút lại yêu cầu chia tài sản này, phía anh H không có tranh chấp. Xét thấy, việc chị Nh tự nguyện rút lại yêu cầu chia tài sản chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nh.

[5] **Về nợ chung (phải thu, phải trả):** Xét thấy trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án các đương sự không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] **Về nợ riêng:** Xét thấy tại phiên hòa giải ngày 12/10/2022 cũng như tại phiên tòa anh H thừa nhận và đồng ý trả cho chị Nh số tiền mua thuốc thủy sản 40.000.000 đồng theo yêu cầu của chị Nh, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận anh H có trách nhiệm trả cho chị Nh số tiền 40.000.000 đồng mà các bên đã thỏa thuận được.

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị Nh tự nguyện rút lại một phần yêu cầu đòi lại tài sản gồm 01 máy D9, 04 máy mô tua, tiền trị giá căn nhà 110.000.000đ và tiền mượn 3.500.000 đồng; phía anh H không có tranh chấp. Xét thấy, việc chị Nh tự nguyện rút lại một phần yêu cầu đòi tài sản chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nh.

[7] Về án phí:

- Xét chị Nh là con liệt sĩ, có giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ, chị Nh có đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí, được Thẩm phán xem xét chấp nhận. Căn cứ vào Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên xét miễn án phí hôn nhân và án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nh.

- Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc anh H phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 200, Điều 235, 244, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X.

Căn cứ Điều 12, 14, 15, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Lê Thị Bình Nh.

- **Về hôn nhân:** Không công nhận chị Lê Thị Bình Nh và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

- **Về con chung:** Giữa chị Nh và anh H không có con chung nên không xem xét.

- **Về tài sản chung của vợ chồng:** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Lê Thị Bình Nh.

- **Về nợ chung:** Chị Nh và anh H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- **Về nợ riêng:** Anh H tự nguyện trả cho chị Lê Thị Bình Nh số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) theo yêu cầu của chị Nh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được

quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu về đòi lại tài sản riêng của chị Lê Thị Bình Nh.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Miễn án phí cho chị Lê Thị Bình Nh.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Miễn án phí cho chị Lê Thị Bình Nh.

+ Anh Nguyễn Văn H phải nộp 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*).

- **Về quyền kháng cáo:** Chị Lê Thị Bình Nh và anh Nguyễn Văn H có mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa